|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số 77 /BC-UBND | *Quảng Bình, ngày 17 tháng 4 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả 05 năm thực hiện sắp, xếp đổi mới công ty nông, lâm nghiệp**

**theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị**

**và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 27/12/2014 của Chính phủ**

Kính gửi:

- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1644/BNN-QLDN ngày 07/3/2019 về việc thực hiện báo cáo kết quả 05 thực hiện sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, UBND tỉnh Quảng Bình báo cáo như sau:

**A. VỀ TỔ CHỨC HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, HƯỚNG DẨN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, NGHỊ ĐỊNH**

**I. PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT VÀ HƯỚNG DẪN, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về sắp xếp, đổi mới (SXĐM) và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, Thường vụ Tỉnh uỷ và UBND tỉnh Quảng Bình đã có các văn bản chỉ đạo triển khai rà soát, xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới và xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ và Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, cụ thể:

- Kiện toàn Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước (DNNN) của tỉnh, giao nhiệm vụ chỉ đạo các sở, ban, ngành thành viên hướng dẫn và theo dõi các công ty nông, lâm nghiệp triển khai xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới và xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành liên quan trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các công ty, các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới công ty đảm bảo chất lượng và tiến độ để ra (Công văn số 290/UBND-KTN ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh, Thông báo kết luận số 542/TB-VPUBND ngày 03/4/2015 của Văn phòng UBND tỉnh).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công văn số 386/SNN-KHTC ngày 27/3/2015 hướng dẫn các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới công ty theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ và Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thành lập Hội đồng thẩm định đề án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp (Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh).

- Thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định đề án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp (Quyết định số 64/QĐ-HĐTĐ ngày 17/4/2015 của Hội đồng thẩm định).

**II. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH**

Trong quá trình chỉ đạo, UBND tỉnh Quảng Bình luôn thực hiện tốt việc báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan, cụ thể:

- Tháng 7/2016: UBND tỉnh Quảng Bình có Công văn số 1076/UBND-KTN ngày 12/7/2016 về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 118/NĐ-CP (theo yêu cầu tại Công văn số 5761/BNN-QLDN ngày 06/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Tháng 6/2017: UBND tỉnh Quảng Bình có Công văn số 1076/UBND-KTN ngày 20/6/2017 về việc báo cáo kết quả sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 118/NĐ-CP (theo yêu cầu tại Công văn số 3763/BNN-QLDN ngày 08/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Tháng 02/2018: UBND tỉnh Quảng Bình có Công văn số 223/UBND-KTN ngày 13/2/2018 về việc báo cáo kết quả sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp (theo yêu cầu tại Công văn số 10933/BNN-QLDN ngày 29/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Tháng 10/2018: UBND tỉnh Quảng Bình có Công văn số 1701/UBND-KT ngày 10/10/2018 về việc báo cáo giải quyết lao động dôi dư tại các công ty nông, lâm nghiệp sắp xếp, đổi mới theo hình thức duy trì 100% vốn nhà nước (theo yêu cầu tại Công văn số 7728/BNN-QLDN ngày 03/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

**B. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP**

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ**

**1. Về ban hành văn bản của địa phương, đơn vị**

- Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh Quảng Bình.

- Công văn số 391/VPUBND-KTN ngày 16/3/2015 của Văn phòng

UBND tỉnh Quảng Bình về viêc triển khai thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp**.**

**-** Công văn số 290/UBND-KTN ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai thực hiện Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 64/QĐ-HĐTĐ ngày 17/4/2015 của Hội đồng thẩm định về việc thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định đề án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp.

- Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành tiêu chí phân loại vườn cây cao su trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để sắp xếp, chuyển đổi các công ty nông, lâm nghiệp.

- Quyết định số 3531/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt suất vốn đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su của Công ty TNHH MTV Việt Trung; Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt suất vốn đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình.

**2. Xây dựng và phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới** *(Phụ biểu 01)*

*2.1. Công ty đã được phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới:*

Theo kết quả rà soát, có 04 công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thực hiện sắp xếp đổi mới theo theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, gồm có:

- 02 công ty nông nghiệp: Công ty TNHH MTV Việt Trung, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình.

- 02 công ty lâm nghiệp: Công ty TNHH MTV LCN Long Đại, Công ty TNHH MTV LCN Bắc Quảng Bình.

Căn cứ kết quả thẩm định các đề án SXĐM do các công ty xây dựng, UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng Phương án tổng thể SXĐM các công ty nông, lâm nghiệp của tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và đã được Chính phủ phê duyệt (tại Công văn số 1682/TTg-ĐMDN ngày 21/9/2015 của Chính phủ). Căn cứ Phương án tổng thể SXĐM các công ty nông, lâm nghiệp thuộc tỉnh Quảng Bình đã được Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh Quảng Bình chỉ đạo các công ty hoàn thiện lại đề án SXĐM của từng công ty. Đến tháng 12/2015, đề án SXĐM của 04 công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt để căn cứ triển khai thực hiện. Các công ty sau khi SXĐM đều thực hiện theo mô hình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cụ thể:

- Duy trì, cũng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty lâm nghiệp, nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với Công ty TNHH MTV LCN Long Đại.

- Duy trì, cũng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty lâm nghiệp, nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đối với Công ty TNHH MTV LCN Bắc Quảng Bình.

- Chuyển 02 công ty nông nghiệp: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Việt Trung thành công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ.

*2.2. Công ty chưa xây dựng và phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới: Không.*

*2.3. Công ty sắp xếp không theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Không.*

*2.4. Công ty đề xuất thay đổi mô hình sắp xếp: Không.*

*2.5. Công ty đã hoàn thành sắp xếp, đổi mới: 04 công ty, gồm có:* Công ty TNHH MTV Việt Trung, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình, Công ty TNHH MTV LCN Long Đại và Công ty TNHH MTV LCN Bắc Quảng Bình.

*2.6. Công ty đang thực hiện: Không.*

*2.7. Công ty chưa thực hiện: Không.*

**3. Kết quả triển khai Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới**

Đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành phương án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 1682/TTg-ĐMDN ngày 21/9/2015.

**4. Về đất đai**

*4.1. Phê duyệt phương án sử dụng đất*

- Số lượng công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt phương án sử dụng đất: 04 công ty:

+ Công ty thuộc địa phương: 04 công ty.

+ Công ty thuộc Trung ương: Không.

- Số lượng công ty nông, lâm nghiệp chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất: Không.

*4.2. Bàn giao đất về địa phương quản lý, sử dụng*

- Dự kiến bàn giao: 14.897,93 ha.

- Đã bàn giao: 14.547,93 ha.

- Tiếp tục bàn giao: 350,0 ha.

**5. Tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trước và sau sắp xếp** *(Phụ biểu 02, 03)*

*5.1. Tài chính*

a) Trước sắp xếp:

- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu: 467.739.366.000 đồng, trong đó:

+ Vốn chủ sở hữu: 397.902.689.000 đồng;

+ Nguồn kinh phí và quỹ khác: 69.836.677.000 đồng.

b) Sau sau xếp đổi mới:

- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu: 570.465.063.000 đồng, trong đó:

+ Vốn chủ sở hữu: 439.928.859.000 đồng;

+ Nguồn kinh phí và quỹ khác: 130.536.204.000 đồng.

c) Tại thời điểm báo cáo:

- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu: 474.812.213.000 đồng, trong đó:

+ Vốn chủ sở hữu: 406.034.777.000 đồng;

+ Nguồn kinh phí và quỹ khác: 68.777.436.000 đồng.

*5.2. Kết quả sản xuất, kinh doanh*

a) Trước sắp xếp *(tại thời điểm xây dựng phương án tổng thể)*:

- Doanh thu: 344.706.809.000 đồng

- Nợ phải trả: 281.283.711.000 đồng

+ Nợ dài hạn: 57.401.103.000 đồng

+ Nợ ngắn hạn: 223.882.608.000 đồng

- Nợ phải thu: 29.761.157.000 đồng

- Nợ khó đòi: 4.658.933.000 đồng

- Lỗ lũy kế: 29.331.789.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 3.706.956.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 3.270.606.000 đồng

- Nộp ngân sách: 22.867.318.000 đồng

- Lương bình quân/tháng: 3.066.000 đồng

- Thu nhập bình quân/ha/năm: 9.828.000 đồng

b) Sau sắp xếp, đổi mới:

- Doanh thu: 223.240.360.000 đồng

- Nợ phải trả: 365.073.409.000 đồng

+ Nợ dài hạn: 138.589.376.000 đồng

+ Nợ ngắn hạn: 226.484.033.000 đồng

- Nợ phải thu: 22.053.609.000 đồng

- Nợ khó đòi: 4.975.293.000 đồng

- Lỗ lũy kế: 49.201.740.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 1.001.585.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 926.019.000 đồng

- Nộp ngân sách: 11.779.988.000 đồng

- Lương bình quân/tháng: 3.320.000 đồng

- Thu nhập bình quân/ha/năm: 8.508.000 đồng

*(Chi tiết xem Phụ biểu 03.1, 03.2)*

**6. Kết quả giải quyết lao động***(Phụ biểu 04)*

- Lao động tiếp tục sử dụng: 2.058 người;

- Giải quyết nghỉ dôi dư: 360 người;

- Nghỉ theo chế độ: 66 người;

- Đào tạo chuyển nghề: 06 người;

- Tổng kinh phí đã thực hiện: 38.180.000.000 đồng.

**7. Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện**

*7.1. Khó khăn vướng mắc*

- Quá trình rà soát đất đai, cắm mốc ranh giới gặp nhiều vướng mắc, tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai ở một số nơi vẫn còn xảy ra, nên rất khó khăn trong quá trình thực hiện cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty.

- Công ty TNHH MTV LCN Long đại được sắp xếp theo mô hình là đơn vị thực hiện sản xuất kinh doanh nhưng gặp nhiều khó khăn trong duy trì mô hình hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau khi hiện sắp xếp đổi mới khi Nhà nước có chủ trương đóng cửa rừng, không khai thác đối với rừng tự nhiên.

- Các công ty lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn về kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng được giao, đời sống của những người làm công tác bảo vệ rừng thấp, trong khi điều kiện làm việc khó khăn, chịu áp lực công việc cao.

*7.2. Nguyên nhân*

- Diện tích đất của các công ty thường phân bố trên nhiều địa phương khác nhau và chưa được xác định cụ thể trên thực địa và không được cắm móc ranh giới rõ ràng; người dân ở một số địa phương còn thiếu đất sản xuất nên vẫn còn tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất.

- Công tác cổ phần hóa là lĩnh vực mới đối với các công ty, nên trong quá trình thực hiện các thủ chuyển đổi còn gặp nhiều khó khăn.

- Chủ trương, chính sách quản lý rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên sản xuất thay đổi, nên một số nhiệm vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã phê duyệt trong đề án không được thực hiện.

- Kinh phí bảo vệ rừng tự nhiên do Nhà nước đặt hàng giao chậm, đơn giá quy định thấp, không đủ chi phí cho các Công ty thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, nhất là trong điều kiện Nhà nước đóng cửa rừng tự nhiên.

**8. Đánh giá về mô hình sắp xếp, đổi mới đã được phê duyệt**

- Việc sắp xếp, đổi mới để thực hiện cổ phần hóa đối với các công ty nông nghiệp là phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động, nâng cao năng lực quản trị của công ty, thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với các công ty lâm nghiệp: Đề án sắp xếp đổi mới của các công ty đã được xây dựng với các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, đảm bảo khả thi và phù hợp. Tuy nhiên, do chủ trương và chính sách của Nhà nước thay đổi nên hiện nay một số chức năng, nhiệm vụ theo đề án của các công ty không thực hiện được như hoạt động khai thác gỗ rừng tự nhiên… nên sau khi sắp xếp, đổi mới việc duy trì và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty ngày càng có nhiều khó khăn hơn so với trước khi sắp xếp đổi mới, đặc biệt trong điều kiện thiếu kinh phí cho công tác quản lý bảo vệ rừng.

**II. QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP**

**1. Hiện trạng đất đai** *(Phụ biểu 05A, 05B)*

*1.1. Đất sản xuất nông nghiệp: 8.025,47 ha, trong đó:*

- Đất trồng cây hàng năm: 256,78 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 7.719,62 ha;

- Đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản: 49,07 ha.

*1.2. Đất lâm nghiệp: 121.742,39 ha, trong đó:*

a) Đất rừng sản xuất: 109.018,17 ha, trong đó:

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 86.423,89 ha;

+ Rừng sản xuất là rừng trồng: 17.544,48 ha;

+ Đất chưa có rừng: 5.049,8 ha.

b) Đất rừng phòng hộ: 12.830,50 ha, trong đó:

+ Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên: 11.180,40 ha;

+ Rừng phòng hộ là rừng trồng: 213,80 ha;

+ Đất chưa có rừng: 1.436,30 ha.

c) Đất rừng đặc dụng: Không.

*1.3. Đất nông nghiệp khác: 9,33 ha;*

*1.4. Đất chuyên dùng: 569,79 ha;*

*1.5. Đất chưa sử dụng: 2,07 ha.*

**2. Quản lý, sử dụng đất** *(Phụ biểu 06)*

*2.1.Tự tổ chức sản xuất: 120.558,04 ha.*

*2.2. Diện tích đất giao khoán: 7.056,98 ha.*

- Khoán theo Nghị định số 01/CP: 25,50 ha;

- Khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP: 7.031,48 ha.

*2.3. Liên doanh, liên kết*: (*ghi rõ đối tượng thực hiện liên doanh, liên kết*)

- Diện tích: 881,54 ha.

- Đối tượng thực hiện: Các hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn.

*2.4. Diện tích cho thuê: Không.*

*2.5. Diện tích cho mượn: Không.*

*2.6. Diện tích đang có tranh chấp: 2,20 ha.*

*2.7. Diện tích bị lấn chiếm: 1.284,91 ha.*

*2.8.Diện tích đất cấp trùng: 23,81 ha.*

**3. Giao, thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** *(Phụ biểu 07)*

*3.1. Diện tích đất được giao không thu tiền: 98.968,92 ha.*

*3.2. Diện tích đất đã thuê: 30.114,76 ha, trong đó:*

+ Đất nông nghiệp: 29.544,08 ha;

+ Đất phi nông nghiệp: 570,68 ha.

*3.3. Diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.796,38 ha, trong đó:*

+ Đất nông nghiệp: 128.301,35 ha;

+ Đất phi nông nghiệp: 495,03 ha.

**4. Diện tích đất dự kiến tiếp tục quản lý sử dụng** *(Phụ biểu 08A, 08B)*

*4.1. Đất sản xuất nông nghiệp: 7.710,87 ha, trong đó:*

- Đất trồng cây hàng năm: 96,55 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 7.576,28 ha;

- Đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản: 38,04 ha.

*4.2. Đất lâm nghiệp:*

- Đất rừng sản xuất: 94.854,54 ha, trong đó:

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 74.854,25 ha;

+ Rừng sản xuất là rừng trồng: 17.045,83 ha;

+ Đất chưa có rừng: 2.954,46 ha.

- Đất rừng phòng hộ: 12.821,60 ha, trong đó:

+ Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên: 11.180,40 ha;

+ Rừng phòng hộ là rừng trồng: 227,70 ha;

+ Đất chưa có rừng: 1.413,50 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Không có.

4.3. Đất nông nghiệp khác: 6,61 ha.

4.4. Đất chuyên dùng: 161,71 ha.

4.5. Đất chưa sử dụng: 2,07 ha.

**5. Diện tích đất giao về địa phương** *(Phụ biểu 09A, 09B, 09C)*

5.1. Đất sản xuất nông nghiệp: 314,60 ha, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 160,23 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 143,34 ha;

- Đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản: 11,03 ha.

5.2. Đất lâm nghiệp:

- Đất rừng sản xuất:

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 11.568,73 ha;

+ Rừng sản xuất là rừng trồng: 424,45 ha;

+ Đất chưa có rừng: 2.170,44 ha.

- Đất rừng phòng hộ:

+ Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên: 0,0 ha;

+ Rừng phòng hộ là rừng trồng: 0,0 ha;

+ Đất chưa có rừng: 8,90 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Không.

*5.3. Đất nông nghiệp khác: 2,72 ha;*

*5.4. Đất chuyên dùng: 408,08 ha.*

*5.5. Đất chưa sử dụng: Không.*

*5.6. Phân theo hình thức sử dụng*

a) Đất tự tổ chức sản xuất: 13.649,25 ha.

b) Liên doanh, liên kết: 7,56 ha.

c) Diện tích bị lấn chiếm: 1.172,02 ha.

d) Diện tích đất cấp trùng: 40,81 ha.

**6. Kết quả rà soát, đo đạc, cắm mốc và cấp GCNQSDĐ** *(Phụ biểu 10)*

*6.1. Diện tích đã được đo đạc, cắm mốc theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP*

- Đã được đo đạc, cắm mốc: 115.072,15 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 115.012,53 ha;

+ Đất phi nông ngiệp: 59,62 ha;

- Chưa được đo đạc, cắm mốc: 485,25 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 381,09 ha;

+ Đất phi nông nghiệp: 104,16 ha.

+ Dự kiến thời gian hoàn thành: Trong năm 2019.

*6.2. Diện tích đã thực hiện bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng*

- Đã bàn giao: 14.547,93 ha;

+ Đất nông nghiệp: 14.139,85 ha;

+ Đất phi nông nghiệp: 408,08 ha.

- Chưa bàn giao: 350,0 ha;

+ Đất nông nghiệp: 350,0 ha;

+ Đất phi nông nghiệp: Không.

+ Dự kiến thời gian hoàn thành: Trong năm 2019.

*4.3. Kinh phí thực hiện đo đạc cắm mốc và cấp GCNQSDĐ:*

- Dự kiến kinh phí: 40.616,0 triệu đồng;

- Kinh phí đã thực hiện: 38.950,53 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí Trung ương hỗ trợ: 28.930,25 triệu đồng;

+ Kinh phí địa phương: 10.020,28 triệu đồng.

**III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

1. **Về cơ chế, chính sách**

- Nhà Nước có chính sách hỗ trợ để các công ty sớm ổn định tổ chức và

kinh doanh sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

- Đề nghị Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 91 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp nhằm tạo điều kiện để các công ty có kinh phí tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng được giao.

- Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách là hết sức khó khăn và nguy hiểm vì phải bảo vệ rừng tận gốc. Do vậy, đề nghị Nhà nước có các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích thu hút nhân lực và tạo điều kiện cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của các đơn vị chủ rừng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao .

**-** Cần có chính sách ưu đãi về vốn vay, lãi suất thấp để các công ty đầu tư vào các dự án trồng rừng nguyên liệu; xem xét miễn, giảm tiền thuê đất cho các công ty đối với những diện tích đất thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới hoặc khi bị thiệt hại do bão.

UBND tỉnh Quảng Bình báo cáo Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Văn phòng Chính phủ (b/c);  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Các Sở: NNPTNT, KHĐT, TC,  TNMT, LĐTBXH;  - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, CVCN. | **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Xuân Quang** |